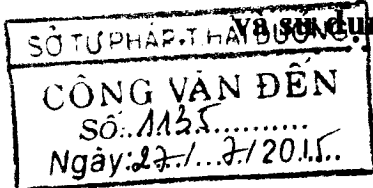


Số: 12 /2015/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý  
và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015.

Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ. Giao cho Giám đốc Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VP, Thư (100b)4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Hiển**

Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ**

(Kèm theo Quyết định số 12 /2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Hải Dương)

1. Mức thu:



DANH MỤC

Số TT	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết			Cơ quan thu	
			Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
				Tỉnh	Huyện, TP, TX		Xã, phường, thị trấn
<b>I</b>	<b>BỔ SUNG PHÍ, LỆ PHÍ</b>						
1	Phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, bến bãi, mặt nước					100%	UBND cấp xã
a)	Khu vực thành phố Hải Dương						
	- Sử dụng tạm thời hệ đường, lòng đường, lề đường dưới 5 ngày (tổ chức đám cưới, đám hỏi, trông giữ phương tiện; trừ đám hiếu)	đ/ngày	200.000				
	- Sử dụng tạm thời hệ đường, lòng đường, lề đường từ 5 ngày trở lên, sử dụng hàng tháng (kinh doanh dịch vụ, thi công xây dựng, sửa chữa công trình, trừ hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình có tính chất khẩn cấp như: khắc phục sự cố đường ống nước sạch,	đ/m <sup>2</sup> /tháng	10.000				

	<i>cáp điện, cáp quang, ống dẫn xăng dầu, khí đốt; lún sụt nền, mặt đường, vỉa hè)</i>							
<b>b)</b>	<b>Khu vực thị xã</b>							
	- Sử dụng tạm thời hè đường, lòng đường, lề đường dưới 5 ngày ( <i>tổ chức đám cưới, đám hỏi, trông giữ phương tiện; trừ đám hiếu</i> )	đ/ngày	150.000					
	- Sử dụng tạm thời hè đường, lòng đường, lề đường từ 5 ngày trở lên, sử dụng hàng tháng ( <i>kinh doanh dịch vụ, thi công xây dựng, sửa chữa công trình, trừ hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình có tính chất khẩn cấp như: khắc phục sự cố đường ống nước sạch, cáp điện, cáp quang, ống dẫn xăng dầu, khí đốt; lún sụt nền, mặt đường, vỉa hè</i> )	đ/m <sup>2</sup> /tháng	8.000					
<b>c)</b>	<b>Khu vực thị trấn</b>							
	- Sử dụng tạm thời hè đường, lòng đường, lề đường dưới 5 ngày ( <i>tổ chức đám cưới, đám hỏi, trông giữ phương tiện; trừ đám hiếu</i> )	đ/ngày	100.000					
	- Sử dụng tạm thời hè đường, lòng đường, lề đường từ 5 ngày trở lên, sử dụng hàng tháng ( <i>kinh doanh dịch vụ, thi</i>	đ/m <sup>2</sup> /tháng	6.000					

	công xây dựng, sửa chữa công trình, trừ hoạt động phục vụ thi công, xây dựng, sửa chữa công trình có tính chất khẩn cấp như: khắc phục sự cố đường ống nước sạch, cấp điện, cấp quang, ống dẫn xăng dầu, khí đốt, lún sụt nền, mặt đường, vỉa hè)							
	*Việc lập, phê duyệt danh mục các khu vực, tuyến đường có vị trí, địa điểm đủ điều kiện được sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường, hè phố thực hiện theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh.							
<b>2</b>	<b>Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực</b>			Nộp NSNN 100%				
	- Cấp bản sao từ sổ gốc	đồng/bản	3.000					Các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính.
	- Chứng thực bản sao từ bản chính (từ trang thứ 3 trở lên thì mỗi trang thu 1.000đ/trang, tối đa thu không quá 100.000đ/bản)	đồng/trang	2.000					
	- Chứng thực chữ ký	đ/trường hợp	10.000					
<b>II</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH PHÍ, LỆ PHÍ</b>							
<b>1</b>	<b>Phí qua cầu</b>							

a)	<b>Cầu phao Ô Xuyên</b>			100%				Hạt Giao thông huyện Gia Lộc
	- Khách đi bộ	đ/lượt	1.000					
	- Xe đạp	-	2.000					
	- Xe đạp điện, xe máy, xe máy điện	-	3.000					
	- Xe thô sơ súc vật kéo	-	6.000					
	- Súc vật trâu, bò, ngựa, bê, nghé	-	4.000					
	- Xe thô sơ người kéo	-	4.000					
b)	<b>Cầu phao dân sinh Kim Tân-Kim Khê, huyện Kim Thành</b>			60%		40%		Hạt Giao thông huyện Kim Thành
	- Khách đi bộ	đồng/ lượt	1.000					
	- Xe đạp	-	2.000					
	- Xe đạp điện, xe máy, xe máy điện	-	3.000					
2	<b>Phí đấu giá</b> (đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân). Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm:			100%				Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản và các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản
	- Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	đ/hồ sơ	150.000					
	- Từ trên 500 triệu đồng	-	200.000					
3	<b>Lệ phí đăng ký cư trú</b>				- Phường, xã thuộc TP Hải Dương: 35%			
a)	<b>Đăng ký thường trú, đăng</b>				- Xã, TT miền núi được để lại 100%			

	<b>ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú</b>			- Khu vực khác được để lại 70%				Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý cư trú
	- Phường nội thành thành phố Hải Dương	đ/lần đăng ký	15.000	- Số còn lại nộp NSNN				
	- Khu vực còn lại	đ/lần đăng ký	7.000					
<b>b)</b>	<b>Cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú</b>							
	- Phường nội thành thành phố Hải Dương	đ/lần cấp	20.000					
	- Khu vực còn lại	đ/lần cấp	10.000					
	<i>* Riêng trường hợp do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà:</i>							
	- Phường nội thành thành phố Hải Dương	đ/lần cấp	10.000					
	- Khu vực còn lại	đ/lần cấp	5.000					
<b>c)</b>	<b>Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú</b>							
	- Phường nội thành thành phố Hải Dương	đ/lần đính chính	8.000					
	- Khu vực còn lại	đ/lần đính chính	4.000					
	<i>* Không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xoá tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú</i>							

	* Miễn lệ phí đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với: Cấp hộ khẩu gia đình, cấp GCN nhân khẩu tập thể; cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn.						
4	<b>Lệ phí cấp giấy phép xây dựng</b>			100%			
	- Cấp phép xây dựng công trình (trừ nhà ở riêng lẻ của nhân dân thuộc đối tượng phải có giấy phép)	đ/1giấy phép	150.000				
	- Gia hạn giấy phép xây dựng	đ/lần	15.000				
							- Sở Xây dựng thu đối với các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử- văn hoá, công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý; những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án và các công trình khác do UBND tỉnh quy định.

2. Các quy định khác về thu, nộp, quản lý, sử dụng thực hiện theo Quyết định số 4426/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh Hải Dương và các quy định hiện hành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**